

## CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. **Khái quát về kế toán các TSTC theo IAS 32; IAS39**  
(Sinh viên tự nghiên cứu)
2. **Kế toán kinh doanh và đầu tư chứng khoán**  
(Theo CĐKT Việt Nam)

### 1. Khái quát về kế toán các tài sản tài chính theo IAS 32; IAS39

- Giới thiệu
- Khái niệm và phân loại các TSTC
- Xác định giá trị các TSTC
- Nguyên tắc hạch toán đối với các nhóm TSTC cơ bản theo IAS
- Khái quát về KT các TSTC tại các TCTC Việt Nam

## Kế toán công cụ tài chính theo IAS 32 và 39

- IAS 32 “Công cụ tài chính: Thuyết minh và Trình bày Thông tin” quy định:
  - ▣ Phân loại,
  - ▣ Trình bày và
  - ▣ Thuyết minh các Công cụ Tài chính
- IAS 39 “Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định giá trị ”quy định về
  - ▣ Ghi nhận và dừng ghi nhận,
  - ▣ Xác định giá trị các công cụ tài chính và
  - ▣ Kế toán phòng ngừa rủi ro.

## Kế toán TSTC theo IAS 32 và 39

- Đa số các công cụ tài chính được điều chỉnh bởi IAS 32 và 39, ngoại trừ:
    - ▣ Vốn góp tại các công ty con (IAS 27), các công ty liên kết (IAS 28) và các công ty liên doanh (IAS 31);
    - ▣ Quyền lợi trong các hợp đồng thuê tài sản – IAS 17;
    - ▣ Tài sản và công nợ thuộc lợi ích của nhân viên– IAS 19;
    - ▣ Các HĐ về thanh toán chi trả tiềm ẩn trong HNKD – IFRS 3;
    - ▣ Hợp đồng và nghĩa vụ trong thanh toán dựa trên cổ phiếu - IFRS 2;
    - ▣ Các hợp đồng bảo hiểm– IFRS 4;
    - ▣ Các hợp đồng bảo lãnh tài chính.
    - ▣ Các cam kết cho vay; và
    - ▣ Hợp đồng mua hoặc bán các khoản mục phi tài chính
- => **IAS 32 và 29 tác động rất lớn đến các TCTC vì phần lớn tài sản và nợ của TCTC là TS tài chính và nợ TC.**

## Tài sản tài chính



- Tài sản tài chính là
  - Tiền mặt
  - Công cụ vốn tự có của doanh nghiệp khác
  - Quyền được trao đổi công cụ tài chính theo những điều kiện có thể có lợi
  - Quyền nhận tiền mặt
  - Quyền nhận công cụ tài chính khác

## Các nhóm TSTC cơ bản

- TSTC phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lỗ lãi (AFV)
- TSTC giữ đến khi đáo hạn (HTM)
- Các khoản cho vay và phải thu (LAR)
- TSTC sẵn sàng để bán (AFS)

## Tài sản tài chính phản ánh theo gtrị hợp lý thông qua lỗ / lãi

- Các TSTC được chỉ định vào nhóm phản ánh theo gtrị hợp lý theo lỗ/lãi
- Các TSTC giữ để kinh doanh
  - ▣ Chủ ý bán ra trong ngắn hạn
  - ▣ Nắm giữ vì mục đích kiếm lời trong ngắn hạn
  - ▣ Các công cụ phái sinh (không vì mục đích phòng ngừa)

## Các khoản cho vay và phải thu – LAR



- Là các TSTC phi phái sinh:
  - ▣ Có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định.
  - ▣ Không được yết giá ở một thị trường sôi động
  - ▣ Không bị lỗ do các rủi ro không phải là rủi ro thất thoát do đối tác (rủi ro tín dụng).
  - ▣ Không được xếp vào nhóm AFV hoặc AFS.
- Là các khoản cho vay hoặc phải thu do NH cấp hoặc mua về.

## TSTC giữ đến khi đáo hạn - HTM

### □ **Là những tài sản tài chính**

- Phi phái sinh
- Có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được
- Có kỳ đáo hạn xác định.
- NH có chủ ý và khả năng tích cực giữ đến khi đáo hạn

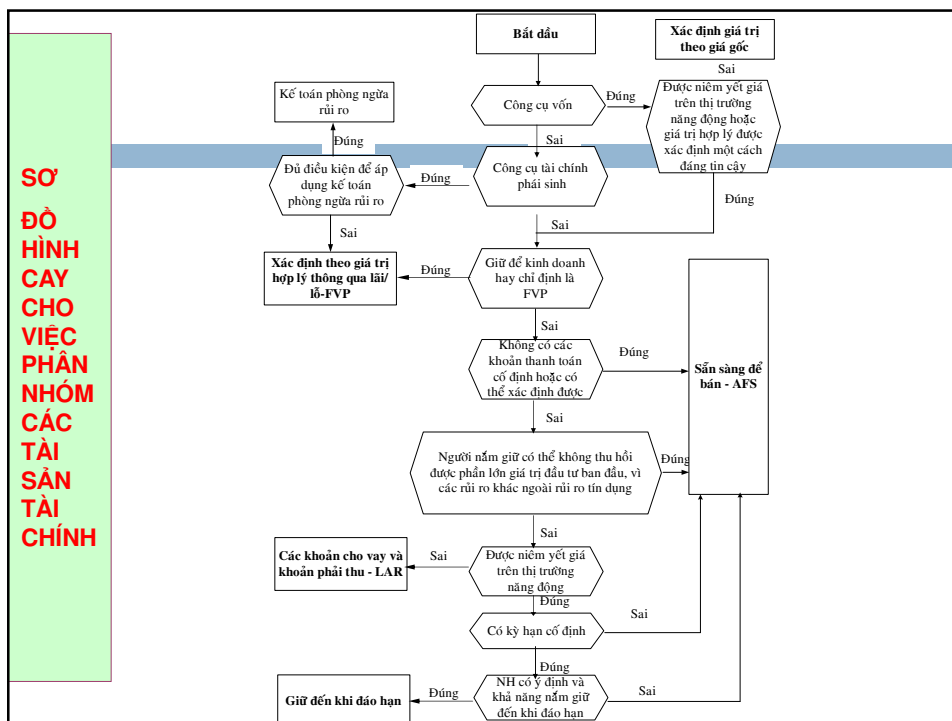
### □ **Không phải là:**

- TSTC khi ghi nhận ban đầu doanh nghiệp xếp vào nhóm AFV;
- TSTC mà doanh nghiệp xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- TSTC đáp ứng định nghĩa của LAR

## TSTC sẵn sàng để bán

- Những tài sản tài chính phi phái sinh được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán
  - Hoặc không được phân loại là
    - Các khoản cho vay và phải thu,
    - Khoản đầu tư giữ đến khi đáo hạn hoặc
    - Tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi hoặc lỗ.
- => Việc xếp vào nhóm này không phụ thuộc vào ý định bán.

Loại	Sử dụng chính
Giá trị hợp lý thông qua lãi hoặc lỗ - AFV	Tất cả các công cụ phái sinh (ngoài các công cụ phòng ngừa rủi ro được chỉ định). Những khoản mục chính dự định sẽ được kinh doanh tích cực Bất kỳ khoản mục nào được xếp đ vào loại này.
Giữ đến khi đáo hạn - HTM	Chứng khoán do doanh nghiệp mua được giữ lại đến khi đáo hạn.
Các khoản cho vay và khoản phải thu – LAR	Các khoản cho vay thông thường không được báo giá (do doanh nghiệp tự cho vay ra hay mua về), phải thu khách hàng.
Sẵn sàng để bán - AFS	Đây là nhóm bao gồm tất cả các tài sản tài chính không được phân loại vào các nhóm trên, và nó không có nghĩa là doanh nghiệp sẵn sàng bán những tài sản này.



## Các nhóm và khả năng phân loại

Công cụ tài chính	afv	htm	afs	lar
Cổ phiếu				
Trái phiếu*				
Cho vay thông thường				
Phải thu KH				
Khoản CVKH mua về				
Swap				
Quyền lựa chọn				
* <i>Niêm yết trên thị trường sôi động</i>				

## Các cơ sở xđ giá trị TSTC

- **Giá trị hợp lý** là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được tất toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá;
- **Giá trị phân bổ**: là giá trị được xác định bằng
  - = **Giá trị ghi nhận ban đầu**
  - các khoản hoàn trả nợ gốc
  - +/- giá trị phân bổ lũy kế các khoản CL giữa giá trị ghi nhận lần đầu và giá trị khi đến hạn
  - các khoản khấu trừ.

## Các cơ sở xử giá trị TSTC

- **Giá trị phân bổ:** (tiếp)
- Các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi nhận lần đầu và giá trị khi đến hạn được phân bổ theo phương pháp lãi suất thực.
- **Lãi suất thực** là lãi suất được dùng để chiết khấu chính xác các luồng tiền vào và ra xuất hiện trong suốt vòng đời dự kiến của một tài sản tài chính về giá trị ghi sổ thuần của tài sản này.
- **Các khoản khấu trừ:** là các khoản ghi giảm giá trị tài sản tài chính do giảm giá trị hoặc không có khả năng thu hồi khoản đầu tư (impairment or uncollectibility).
- **Giảm giá trị:** TS được coi là giảm giá trị khi giá trị ghi sổ (carrying amount) lớn hơn giá trị có thể thu hồi ước tính (recoverable amount)

## Cơ sở xác định giá trị các TSTC

- TSTC nào nên ghi nhận theo giá trị hợp lý?
- TSTC nào nên ghi nhận và trình bày theo giá trị phân bổ ?



## Nguyên tắc kế toán đối với các nhóm TSTC cơ bản

- Ghi nhận lần đầu
- Ghi nhận lần tiếp theo
- Xác định và hạch toán giảm giá trị

## Xác định giá trị lần đầu

- Tất cả các tài sản tài chính và nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý cộng với, trong trường hợp một tài sản tài chính hoặc một khoản nợ tài chính không phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi hoặc lỗ, chi phí giao dịch liên quan trực tiếp tới việc mua hoặc phát hành tài sản tài chính hoặc nợ tài chính.

## Xác định giá trị lần tiếp theo

	Giá trị hợp lý	Giá trị phân bổ
AFV	✓ Thay đổi Gtrị hợp lý hạch toán vào TN hoặc CF (BCKQHĐKD).	-
HTM	-	✓ TN lãi được ghi nhận theo LS thực
LAR	-	✓ TN lãi được ghi nhận LS thực
AFS	✓ B.1: Hạch toán TN lãi theo LS thực ✓ B.2: CL (Gtrị hợp lý & gtrị ghi sổ) hạch toán vào VCSH	-

## Giảm giá trị

- Một tài sản tài chính bị giảm giá trị và lỗ do giảm giá trị được ghi nhận khi và chỉ khi:
  - Có bằng chứng về giảm giá trị do những sự kiện xảy ra sau khi ghi nhận tài sản – sự kiện tổn thất (lost event)
  - Sự kiện tổn thất có tác động đến luồng tiền từ tài sản tài chính và
  - Tác động này là có thể ước tính được.
- Giá trị hợp lý giảm không đồng nghĩa với giảm giá trị.
- Đánh giá và giảm giá trị và ước tính mức giảm giá trị phải được thực hiện hàng kỳ ít nhất là khi lập BCTC năm

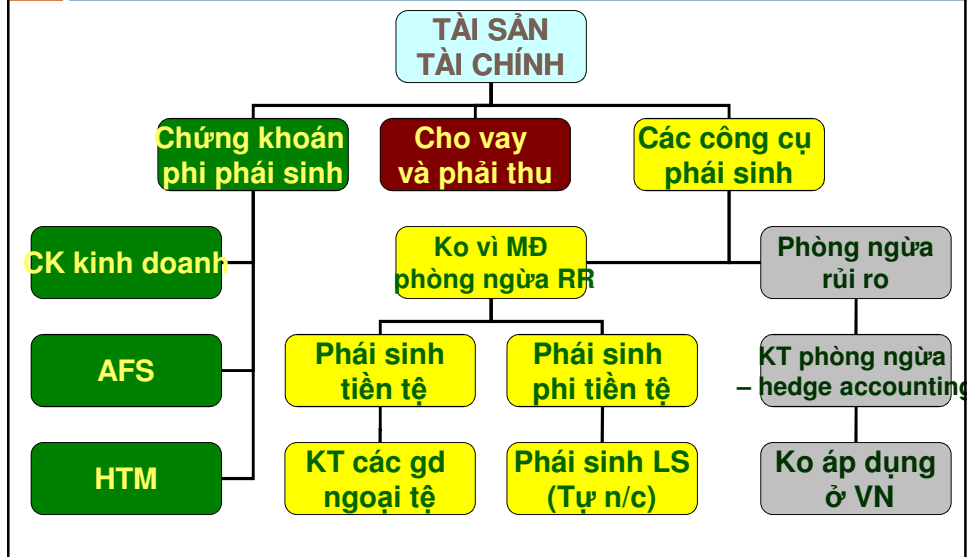
## Xác định và hạch toán phân giảm giá trị - TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý

- **TSTC htoán theo giá trị hợp lý thông qua lỗ / lãi:**  
Ngầm định trong quá trình xác định giá trị hợp lý.
- **Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:**
  - + Mức giảm giá trị là CL giữa **giá gốc** và:  
**G.trị hợp lý hiện tại** (đối với các công cụ vốn), hoặc  
**Giá trị có thể thu hồi** (đối với các công cụ nợ): g.trị hiện tại của dòng tiền dự kiến trong tương lai được chiết khấu theo **lãi suất thị trường hiện tại** của TSTC tương tự.
  - + Hạch toán:
    - . Giảm giá trị được hạch toán vào lãi lỗ
    - . CL đánh giá lại TSTC sẵn sàng để bán (thay đổi tích lũy trọng giá trị hợp lý trước đây) được kết chuyển sang lãi/lỗ từ TSTC sẵn sàng để bán.

## Xác định và hạch toán phân giảm giá trị - TSTC ghi nhận theo giá trị phân bổ

- **Gồm:** Tài sản tài chính giữ đến khi đáo hạn và Các khoản cho vay và phải thu
- **Giá trị dự phòng hoặc giảm giá trị:**  
**= Giá trị ghi sổ của tài sản - Giá trị có thể thu hồi ước tính:**
- **Giá trị thu hồi có thể ước tính:** Giá trị hiện tại của các dòng lưu chuyển tiền tệ ước tính trong tương lai (gồm tiền lãi và tiền nợ gốc cũng như bất cứ dòng tiền phát sinh từ xiết nợ tài sản thế chấp, nhưng không bao gồm các tổn thất tín dụng trong tương lai chưa phát sinh) được chiết khấu theo **lãi suất thực ban đầu** của tài sản tài chính (nghĩa là lãi suất thực được tính toán khi ghi nhận ban đầu)
- **Hạch toán: Ghi tăng chi phí và ghi giảm trực tiếp giá trị khoản vay hoặc gián tiếp thông qua tài khoản dự phòng**

## TQ về KT các TSTC tại các NHTM VN



## 2. Kế toán chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư (Theo chế độ của VN)

- Mục đích của mua/ đầu tư chứng khoán
- Phân loại chứng khoán
- Kế toán chứng khoán kinh doanh
- Kế toán chứng khoán giữ đến khi đáo hạn
- Kế toán chứng khoán sẵn sàng để bán
- Dự phòng giảm giá CK
- Kế toán các chứng khoán vốn hạch toán theo giá gốc. (tự nghiên cứu - TK 344/348 – Đầu tư dài hạn khác)

## Mục đích của đầu tư chứng khoán

- Tìm kiếm lợi nhuận:
  - ▣ Thông qua chênh lệch giá
  - ▣ Qua hưởng lãi nắm giữ chứng khoán
- Tăng khả năng thanh khoản
- Đa dạng hoá khoản mục đầu tư, phân tán rủi ro

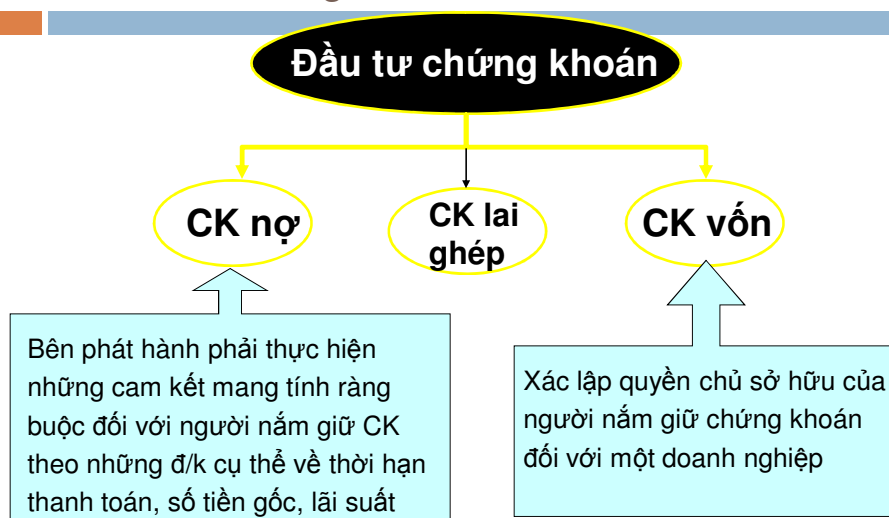
### Chú ý:

Nếu NH mua cổ phiếu để kiểm soát DN khác (nắm từ 20% quyền biểu quyết trở lên)

⇒ Vận dụng VAS07- KT các khoản đ.tư vào c.ty liên kết, VAS08- Thông tin TC về những khoản vốn góp LD, VAS11 - Hợp nhất KD và VAS25 - BCTC hợp nhất & KT khoản đ.tư vào c.ty con

⇒ Không được đề cập trong nội dung này

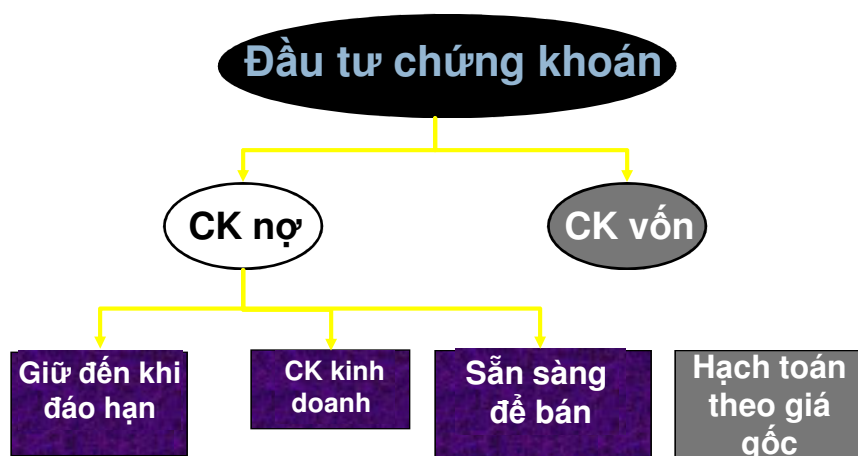
## PHÂN LOẠI CHỨNG KHOÁN – theo tính chất của chứng khoán



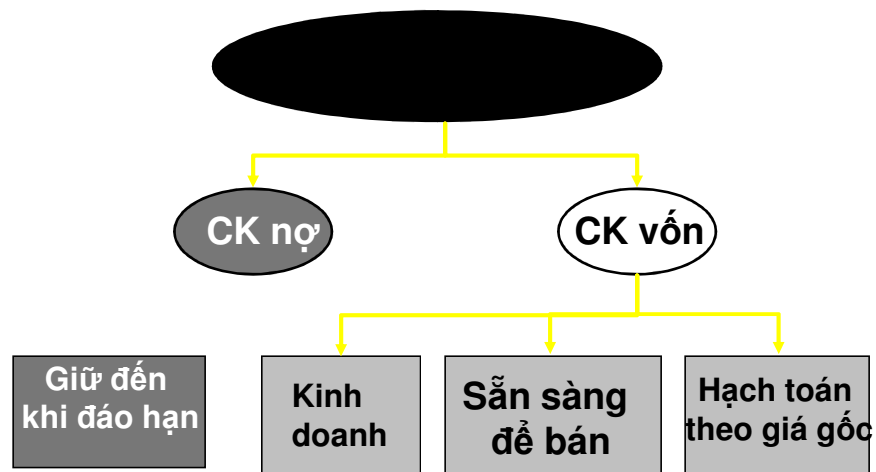
## Phân loại chứng khoán – Theo mục đích nắm giữ

- **Chứng khoán kinh doanh** Các chứng khoán được NH mua hân và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.
- **Chứng khoán sẵn sàng để bán** Các chứng khoán Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.
- **Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn:** chứng khoán nợ được NH mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và sẽ giữ CK đến ngày đáo hạn. (Ko bán trc hạn, ko đc chuyển nhóm)
- **Chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc:** Các chứng khoán vốn NH đầu tư nhưng do không xác định đc giá trị thị trường một cách đáng tin cậy nên hạch toán theo giá gốc (không đc niêm yết trên TTCK)

## Phân loại chứng khoán



## Phân loại chứng khoán



## Phân loại chứng khoán

Tùy theo mục đích nắm giữ của NH, các nhóm chứng khoán có đặc điểm rủi ro khác nhau => đc kế toán theo những cách thức khác nhau. Do đó:

- ▣ TCTD phải có quy định cụ thể về việc phân loại chứng khoán kinh doanh, chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn.
- ▣ Đối với chứng khoán mua hần, ngay tại thời điểm mua, căn cứ vào mục đích mua, TCTD phải phân loại chứng khoán là chứng khoán kinh doanh hoặc chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn hoặc chứng khoán sẵn sàng để bán theo quy định hiện hành.

## KẾ TOÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

- **Nguyên tắc chung:**
- Ghi nhận ban đầu theo giá gốc, trong quá trình nắm giữ sẽ được ghi nhận theo giá nhỏ hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc.
- Giá gốc được xác định tại thời điểm mua chứng khoán và bằng giá mua cộng chi phí mua.
- Khi mua chứng khoán
  - Nợ:** TK chứng khoán kinh doanh thích hợp
  - Có:** TK thích hợp (TM, tiền gửi, trung gian...)

} *Giá gốc*

## KẾ TOÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

- Trong thời gian nắm giữ:
  - Chứng khoán nợ: Nếu nhận được lãi do đơn vị phát hành trả:
    - Nợ:** TK thích hợp (TM, tiền gửi, trung gian...)
    - Có:** TK thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ
  - Chứng khoán vốn: Nếu được thanh toán hoặc có QĐ chính thức về cổ tức được phân phối:
    - Nợ:** TK thích hợp (TM, tiền gửi, trung gian...)
    - Có:** TK thu lãi đầu tư chứng khoán Vốn

} *Số tiền lãi nhận được*

} *Số tiền cổ tức được nhận*

- Nếu giá thị trường của chứng khoán giảm thấp hơn giá gốc, tổ chức TC phải tiến hành lập dự phòng



## KẾ TOÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

- Khi bán: xác định chênh lệch giữa ST thực thu (giá bán trừ chi phí giao dịch, nếu có) với giá trị ghi sổ và htoán:
  - ▣ Trường hợp chênh lệch dương (có lãi), hạch toán:  
**Nợ:** TK thích hợp ( *TM, tiền gửi, trung gian.....*) : *Số tiền thực thu*  
**Có:** TK thu về KD chứng khoán : *Số chênh lệch thừa*  
**Có:** TK chứng khoán KD: *Giá ghi sổ(giá gốc)*
  - ▣ Trường hợp chênh lệch âm (bị lỗ), hạch toán:  
**Nợ:** TK thích hợp ( *TM, tiền gửi, trung gian...*): *Số tiền thực thu*  
**Nợ:** TK chi về KD chứng khoán: *Số chênh lệch thiếu*  
**Có:** TK Chứng khoán KD: *Giá ghi sổ (giá gốc)*

## KẾ TOÁN CHỨNG KHOÁN GIỮ ĐẾN KHI ĐÁO HẠN

- Xác định giá trị
- Nguyên tắc hạch toán
- Tài khoản sử dụng
- Sơ đồ hạch toán tóm tắt

## Xác định giá trị - Các khái niệm cơ bản

- **Giá gốc** bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua trực tiếp (nếu có)
  - **Giá mua** là giá Ngân hàng phải trả để có được chứng khoán. Giá này không bao gồm Lãi nhận trước.
  - **Chi phí mua** bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua/bán chứng khoán như chi phí giao dịch...
- **Giá trị phân bổ:** chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu/phụ trội theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{ghi sổ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mệnh} \\ \text{giá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lãi cộng dồn/} \\ \text{Lãi chờ phân bổ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Phụ trội chưa p.bổ} \\ \text{Chiết khấu chưa p.bổ} \end{array}$$

Đây là khái niệm theo CĐ kế toán của VN, không hoàn toàn giống k/n trong IAS 39

## Xác định giá trị - Các khái niệm cơ bản

- **Giá trị phụ trội** là giá trị chênh lệch dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước).
- **Giá trị chiết khấu** là giá trị chênh lệch âm giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước).

## Xác định giá trị - Các khái niệm cơ bản

- **Lãi nhận trước** (áp dụng đối với chứng khoán được phát hành theo phương thức chiết khấu): là phần lãi đã được tổ chức phát hành thanh toán tính trên cơ sở thời gian đầu tư của TCTD, mệnh giá và mức lãi suất của chứng khoán.
- **Lãi dồn tích trước khi mua**: lãi cộng dồn chưa được thanh toán của chứng khoán nợ trả lãi sau phát sinh trong giai đoạn trước khi Ngân hàng mua chứng khoán.
- **Lãi trả sau** là lãi của chứng khoán thuộc chứng khoán nợ được tổ chức phát hành trả tại thời điểm sau thời điểm phát hành. Lãi trả sau có thể được thanh toán theo định kỳ hoặc thanh toán một lần cùng tiền gốc vào ngày đáo hạn của chứng khoán.

## Chứng khoán giữ đến khi đáo hạn – Nguyên tắc hạch toán

- Được hạch toán theo giá gốc tại thời điểm mua, sau đó được phản ánh theo giá trị phân bổ
- Số tiền lãi trả sau được hưởng được hạch toán theo phương pháp cộng dồn dự thu cho đến khi đến hạn thanh toán.
- Trong thời gian nắm giữ, nếu nhận được tiền lãi bao gồm cả lãi đầu tư dồn tích trước khi mua, phân bổ theo nguyên tắc:
  - Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản Lãi phải thu.
  - Số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận là thu nhập của TCTD theo phương pháp cộng dồn.

## Chứng khoán giữ đến khi đáo hạn – Nguyên tắc hạch toán

- Số tiền Lãi nhận trước (nếu có) được hạch toán phân bổ vào tài khoản thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.
- Giá trị chiết khấu hoặc giá trị phụ trội được phân bổ khoản thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán theo nguyên tắc:
  - ▣ Giá trị chiết khấu: Ghi tăng thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ.
  - ▣ Giá trị phụ trội: Ghi giảm thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ.
  - ▣ Đến ngày đáo hạn: giá trị chiết khấu và phụ trội phải được phân bổ toàn bộ vào thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ
  - ▣ Nếu điều kiện về công nghệ tin học cho phép, tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế

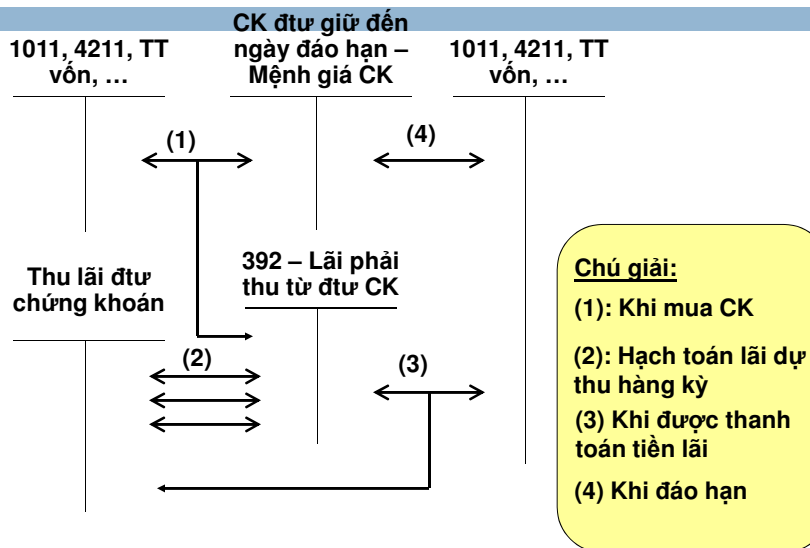
## Chứng khoán giữ đến khi đáo hạn – Tài khoản sử dụng

- ❖ **Tài khoản 16** - Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:
- ❖ **Tài khoản 392 - Lãi phải thu về đầu tư chứng khoán:** theo dõi lãi dò tích trước khi mua (nếu có) và lãi cộng dồn của các chứng khoán Nợ thuộc nhóm sẵn sàng để bán/giữ đến ngày đáo hạn.
- ❖ **Tài khoản 488 - Doanh thu chờ phân bổ** (*tiểu khoản lãi chứng khoán chờ phân bổ*): theo dõi Lãi nhận trước chờ phân bổ của các chứng khoán Nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn.
- ❖ **Tài khoản thu lãi đầu tư chứng khoán (TK703):**
  - ❖ **Tài khoản Thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ:** theo dõi các khoản thu nhập từ thu lãi đầu tư chứng khoán Nợ.
  - ❖ **Tài khoản Thu lãi đầu tư chứng khoán Vốn:** theo dõi cổ tức được nhận trong thời gian nắm giữ của chứng khoán Vốn thuộc TK 14/ TK 15.

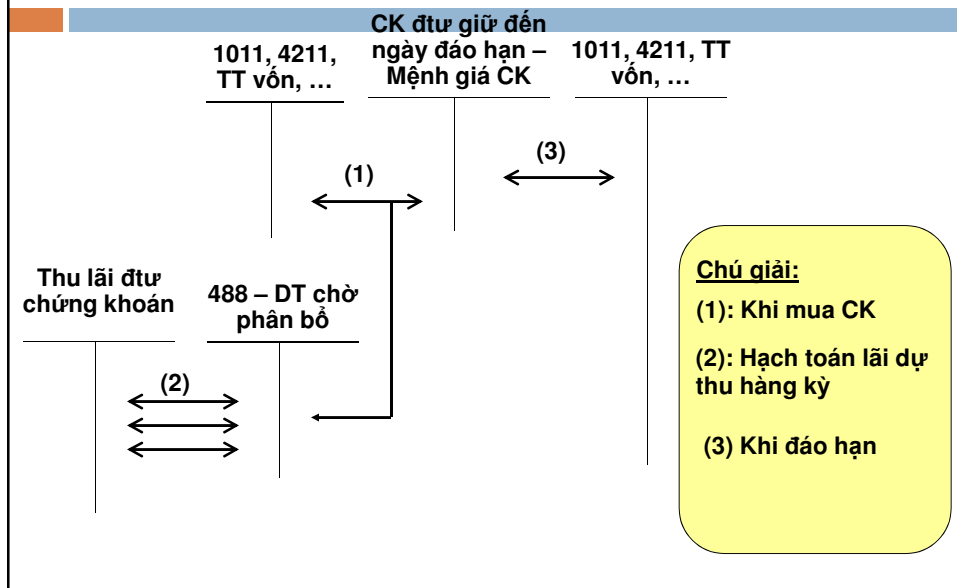
## Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn – TK sử dụng

- **TK 16 – CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:** phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại chứng khoán nợ mà TCTD đang nắm giữ với mục đích đầu tư cho đến ngày đáo hạn (ngày được thanh toán).
- Tài khoản này có các Tài khoản cấp 2 sau:
  - ▣ TK 161- Chứng khoán Chính phủ
  - ▣ TK 162- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành
  - ▣ TK 163- Chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành
  - ▣ TK 164- Chứng khoán nước ngoài
- TCTD phải mở tài khoản chi tiết để phản ánh Mệnh giá, giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội của chứng khoán đầu tư.
- Khi trình bày trên báo cáo tài chính, khoản mục chứng khoán này được trình bày theo giá trị thuần (Mệnh giá - Chiết khấu + Phụ trội).

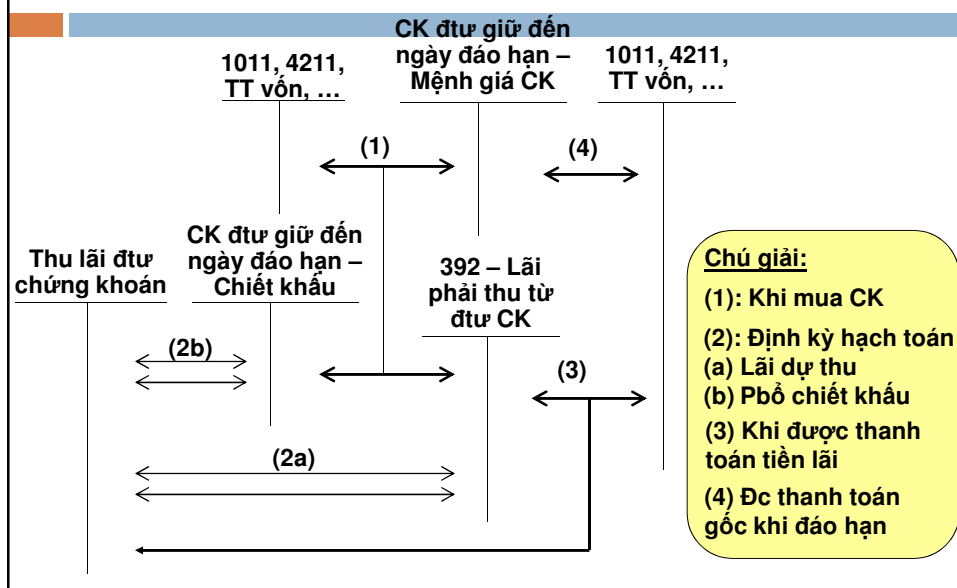
## Sơ đồ hạch toán (1) Mua ngang giá, trả lãi sau



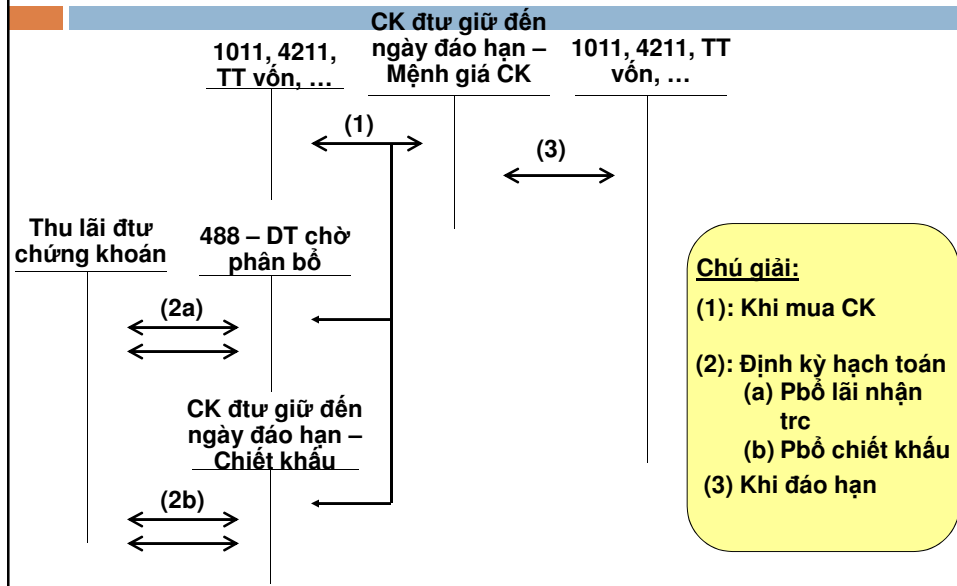
## Sơ đồ hạch toán (2) Mua ngang giá, lãi nhận trước



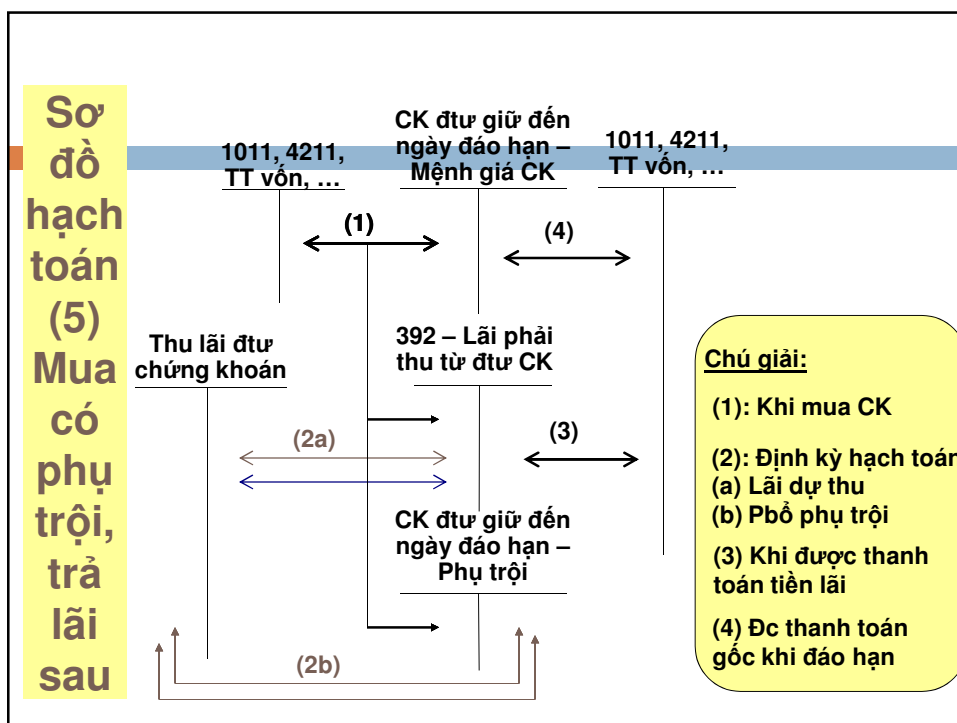
## Sơ đồ hạch toán (3) Mua có chiết khấu, trả lãi sau



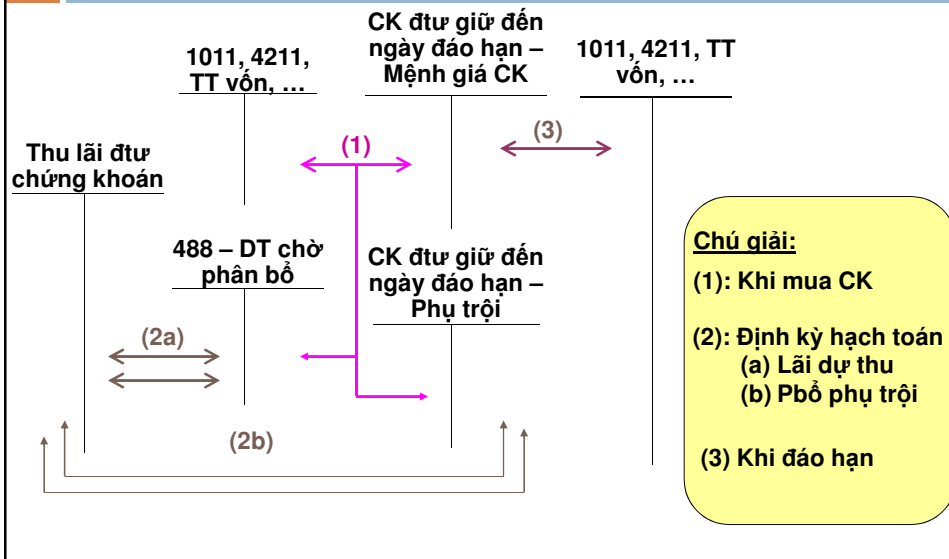
## Sơ đồ hạch toán (4) Mua có chiết khấu, lãi nhận trước



## Sơ đồ hạch toán (5) Mua có phụ trội, trả lãi sau



## Sơ đồ hạch toán (6) Mua có phụ trội, lãi nhận trước



## KẾ TOÁN CHỨNG KHOÁN SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

- Chứng khoán vốn: Tương tự chứng khoán KD
- Chứng khoán nợ:
  - Nếu giữ đến khi đáo hạn: tương tự chứng khoán giữ đến khi đáo hạn.
  - Nếu bán trước khi đến hạn:
    - Khi mua: Giống CK giữ đến khi đáo hạn.
    - Trong quá trình nắm giữ: Các bút toán hạch toán thu nhập lãi, phân bổ chiết khấu, phụ trội, xử lý tương tự như chứng khoán giữ đến khi đáo hạn
    - Khi bán:
      - Xuất toán tất cả các tài khoản có liên quan (lãi dự thu, DT chờ phân bổ, chiết khấu, phụ trội - nếu có)
      - Chênh lệch giữa Giá bán và Giá trị ghi sổ (=MG + Lãi phải thu – Lãi nhận trước + Phụ trội – Chiết khấu) được hạch toán vào thu nhập/chi phí về kinh doanh chứng khoán sẵn sàng để bán.



## KẾ TOÁN DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

- Định kỳ (cuối quý/ năm) NH đánh giá các chứng khoán để xác định mức dự phòng cần lập:
  - ▣ Đối với chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán: Nếu giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ
  - ▣ Đối với chứng khoán giữ đến khi đáo hạn: Có dấu hiệu sụt giảm giá trị một cách lâu dài.
- Hạch toán
  - ▣ Nếu phải trích thêm  
**Nợ CF dự phòng giảm giá chứng khoán (8823)**  
**Có DF giảm giá chứng khoán (149, 159, 169)**
  - ▣ Nếu phải hoàn nhập  
**Nợ DF giảm giá chứng khoán (149, 159, 169)**  
**Có CF dự phòng giảm giá chứng khoán (8823)**

## Sử dụng dự phòng để bù đắp tổn thất

- Trong thời gian nắm giữ chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn hoặc đến hạn thanh toán nhưng NH có tổn thất tài chính do những nguyên nhân khách quan như: Doanh nghiệp phát hành chứng khoán bị thiên tai hỏa hạn, bão lụt, phá sản, giải thể..., TCTD không thể thu đủ giá trị ghi sổ của chứng khoán, đồng thời chứng khoán đã trích lập dự phòng giảm giá, Ban lãnh đạo TCTD được quyền quyết định sử dụng dự phòng đã trích lập để xử lý tổn thất, hạch toán:
  - ▣ **Nợ:** Dự phòng giảm giá CK (TK 169): *Số tiền bù đắp tổn thất*
  - ▣ **Có:** TK Chứng khoán giữ đến khi đáo hạn
- Trường hợp số dư tài khoản dự phòng không đủ bù đắp tổn thất, số chênh lệch thiếu được hạch toán vào Tài khoản Chi về kinh doanh chứng khoán.

## Công bố thông tin về hoạt động đầu tư, kinh doanh chứng khoán trên các BCTC

- Trên bảng cân đối kế toán
- Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Trong thuyết minh báo cáo tài chính

## Kế toán đầu tư CK tại công ty CK

- Phân loại
- Nguyên tắc hạch toán
- Phân loại lại

## Phân loại

- Chứng khoán thương mại:
  - ▣ Mua vì mục đích thương mại
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn:
  - ▣ Chứng khoán phi phái sinh
  - ▣ Có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định
  - ▣ Thời gian đáo hạn cố định
  - ▣ Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.
- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:
  - ▣ Chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán
  - ▣ Không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

## Phân loại – lưu ý:

- Không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn:
  - ▣ Trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn,
  - ▣ Trừ khi việc bán và phân loại lại là:
    - Rất gần với thời điểm đáo hạn;
    - Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn, hoặc;
    - Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

## Nguyên tắc hạch toán – CK sẵn sàng để bán

- **Ghi nhận ban đầu theo :**
  - ▣ giá gốc
  - ▣ hoặc giá trị hợp lý và cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp
- **Sau khi ghi nhận ban đầu:** chọn một trong hai nguyên tắc:
  - ▣ Ghi nhận theo giá gốc và lập dự phòng nếu giảm giá trị
  - ▣ Ghi nhận theo giá hợp lý:
    - Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào VCSH
    - Không lập DF khi bị giảm giá.
- Các khoản đầu tư dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu không có giá niêm yết trên Sở (Trung tâm) giao dịch chứng khoán và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy thì sẽ phản ánh theo giá trị ghi sổ.

## Nguyên tắc hạch toán - CK giữ đến khi đáo hạn

- **Ghi nhận ban đầu theo :**
  - ▣ giá gốc
  - ▣ hoặc giá trị hợp lý và cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp
- **Sau khi ghi nhận ban đầu:**
  - ▣ Phản ánh theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

## Chuyển nhóm: từ AFS sang HTM

- Các trường hợp chuyển nhóm: một tài sản được định giá theo giá mua (chỉ phí) hoặc giá trị phân bổ là phù hợp hơn so với việc định giá theo giá trị hợp lý
  - Nếu công ty thay đổi ý định
  - Hoặc khả năng và phương pháp xác định giá trị hợp lý không còn phù hợp
  - Hoặc do thời hạn “2 năm tài chính trước gần nhất” đã kết thúc,
- Các thức hạch toán:
  - Giá trị hợp lý ghi sổ mang sang của tài sản vào ngày có sự thay đổi đó được
    - phản ánh vào Báo cáo kết quả kinh doanh
    - hoặc giá trị phân bổ mới.
  - Khoản lỗ hay lãi phát sinh từ tài sản này mà trước đây đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được xử lý tùy thuộc theo TS đó có kỳ hạn cố định hay không

## Chuyển nhóm: từ AFS sang HTM

### **Xử lý các khoản lãi lỗ ghi nhận trong VCSH**

- Tài sản tài chính có kỳ hạn cố định:
  - Phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt vòng đời còn lại của khoản đầu tư “giữ đến ngày đáo hạn” sử dụng phương pháp lãi suất thực.
  - Bất kỳ chênh lệch nào giữa giá trị phân bổ mới và giá trị đáo hạn sẽ được phân bổ trong suốt vòng đời còn lại của tài sản tài chính sử dụng phương pháp lãi suất thực, thực hiện tương tự như việc phân bổ một khoản giá trị phụ trội hoặc giá trị chiết khấu.
  - Nếu sau đó tài sản tài chính bị giảm giá trị thì bất kỳ khoản lỗ hay lãi nào đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển vào ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

## Chuyển nhóm: từ AFS sang HTM

### Xử lý các khoản lãi lỗ ghi nhận trong VCSH

- Tài sản tài chính không có kỳ hạn cố định:
  - ▣ khoản lãi hoặc lỗ sẽ vẫn được giữ ở vốn chủ sở hữu cho đến khi tài sản đó được bán đi hoặc chuyển nhượng và lúc đó, khoản lãi hoặc lỗ này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh.
  - ▣ Nếu sau đó, tài sản tài chính này bị giảm giá trị, bất kỳ khoản lỗ hoặc lãi nào đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Chuyển nhóm: từ HTM sang AFS

- Trong trường hợp công ty chứng khoán không có ý định hoặc không có khả năng nắm giữ khoản chứng khoán cho đến lúc đáo hạn thì nó được phân loại lại vào nhóm “Chứng khoán sẵn sàng để bán” và được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý và ghi sổ được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.